



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

**Các văn bản thành lập**

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Trần Vũ Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)
Ông Giang Trung Kiên	Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)
Ông Phan Phương Anh	Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)

**Ban Kiểm soát**

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hải	Thành viên
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower  
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00168-22-2



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

Đoàn Thanh Toàn  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.909.138.438.075</b>	<b>1.763.220.111.089</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>60.452.350.486</b>	<b>49.141.802.543</b>
Tiền	111		60.452.350.486	49.141.802.543
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.240.480.318.344</b>	<b>1.153.088.004.430</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(629.681.656)	(1.021.995.570)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	1.238.500.000.000	1.151.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>453.221.656.079</b>	<b>436.734.279.494</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	390.154.562.796	329.210.862.343
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.706.429.391	24.869.933.194
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	53.767.363.212	82.653.483.957
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		593.300.680	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>131.643.053.955</b>	<b>113.416.231.279</b>
Hàng tồn kho	141		131.643.053.955	115.439.796.585
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.023.565.306)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.341.059.211</b>	<b>10.839.793.343</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.124.012.986	566.699.787
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.337.063.393	10.273.093.556
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	1.879.982.832	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>632.293.490.366</b>	<b>474.999.118.386</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>145.000.246.522</b>	<b>158.570.546.943</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	136.377.888.071	150.156.552.219
Nguyên giá	222		537.716.565.576	535.716.902.091
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(401.338.677.505)	(385.560.349.872)
Tài sản cố định vô hình	227	14	8.622.358.451	8.413.994.724
Nguyên giá	228		22.162.044.402	21.757.742.206
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.539.685.951)	(13.343.747.482)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>6.552.214.547</b>	<b>6.643.511.213</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.490.950.718)	(2.399.654.052)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>29.096.728.213</b>	<b>482.974.725</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	29.096.728.213	482.974.725
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>337.387.708.826</b>	<b>198.487.708.826</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9(c)	198.487.708.826	198.487.708.826
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	138.900.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>114.256.592.258</b>	<b>110.814.376.679</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	114.256.592.258	110.814.376.679
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.541.431.928.441</b>	<b>2.238.219.229.475</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.730.332.186.270</b>	<b>1.385.230.854.600</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.725.026.920.912</b>	<b>1.378.153.298.445</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	403.205.250.373	320.809.741.899
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.742.147.602	539.717.882
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	5.446.638.497	7.065.241.919
Phải trả người lao động	314		9.227.101.577	14.956.539.286
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	2.541.588.872	1.847.092.693
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		494.023.500	124.625.768
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	3.887.212.461	3.445.907.782
Vay ngắn hạn	320	22	1.295.735.792.239	1.020.605.627.753
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	7.643.227.667
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	2.747.165.791	1.115.575.796
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.305.265.358</b>	<b>7.077.556.155</b>
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	5.305.265.358	7.077.556.155
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>811.099.742.171</b>	<b>852.988.374.875</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>811.099.742.171</b>	<b>852.988.374.875</b>
Vốn cổ phần	411	25	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	25	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	140.350.898.933	125.900.895.182
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.372.163.238	123.710.799.693
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.462.905.890	2.577.929.973
- LNST kỳ này/năm nay	421b		62.909.257.348	121.132.869.720
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.541.431.928.441</b>	<b>2.238.219.229.475</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phan Thùy Linh  
 Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.724.310.266.186	1.263.096.186.678
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	4.618.981.070	2.170.220.340
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>1.719.691.285.116</b>	<b>1.260.925.966.338</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.668.778.438.014	1.206.765.785.786
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>50.912.847.102</b>	<b>54.160.180.552</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	79.554.319.618	85.596.040.417
Chi phí tài chính	22	32	24.142.359.721	15.762.884.558
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.986.479.047	15.472.145.771
Chi phí bán hàng	25	33	16.179.767.452	13.224.524.664
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	20.283.445.390	17.894.453.019
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>69.861.594.157</b>	<b>92.874.358.728</b>
Thu nhập khác	31		33.250.430	9.935.988
Chi phí khác	32		43.640.694	650.227.946
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(10.390.264)</b>	<b>(640.291.958)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>69.851.203.893</b>	<b>92.234.066.770</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	6.941.946.545	8.027.522.390
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	32.905.067
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>62.909.257.348</b>	<b>84.173.639.313</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phan Thùy Linh  
 Phó trưởng phòng KTTT

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>69.851.203.893</b>	<b>92.234.066.770</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	16.371.797.734	17.406.308.521
Các khoản dự phòng	03	(10.059.106.887)	(7.428.909.503)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	200.767.603	62.274.591
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(74.280.315.679)	(79.883.262.571)
Chi phí lãi vay	06	22.986.479.047	15.472.145.771
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>25.070.825.711</b>	<b>37.862.623.579</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(71.363.949.195)	(55.883.592.433)
Biến động hàng tồn kho	10	(15.977.883.733)	7.296.216.462
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	49.727.643.026	(21.189.159.953)
Biến động chi phí trả trước	12	(6.305.763.744)	(5.756.293.988)
		<b>(18.849.127.935)</b>	<b>(37.670.206.333)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.598.906.174)	(15.418.745.287)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.193.056.673)	(6.791.538.640)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.160.419.796)	(19.367.453.090)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(56.801.510.578)</b>	<b>(79.247.943.350)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.318.788)	(6.258.789.904)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	1.139.952.612
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.470.000.000.000)	(940.800.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	1.244.100.000.000	651.100.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	103.342.776.885	99.871.383.997
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(122.558.541.903)</b>	<b>(194.947.453.295)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.603.727.727.937	1.161.194.910.058
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.328.597.563.451)	(884.970.519.910)
Tiền trả cổ tức	36	(84.459.405.600)	(12.075.852.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>190.670.758.886</b>	<b>264.148.537.548</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>11.310.706.405</b>	<b>(10.046.859.097)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>49.141.802.543</b>	<b>46.942.876.357</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(158.462)</b>	<b>(378.829)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)</b>	<b>70</b>	<b>60.452.350.486</b>	<b>36.895.638.431</b>

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Phan Thùy Linh  
Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2022: 6 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh 9(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có 274 nhân viên (1/1/2022: 270 nhân viên).



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### **(iii) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 60 năm. Khấu hao không được tính cho các lô đất mà Tổng Công ty có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Bất động sản đầu tư**

***Bất động sản đầu tư cho thuê***

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang không được tính trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) *Vỏ bình gas***

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(ii) *Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng bảo hiểm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### **(p) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### **(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

##### **(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas**

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

**6. Các khoản mục bất thường**

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty**

Ngoài những thay đổi về thành viên Hội đồng Quản trị như trình bày tại Trang 1, Tổng Công ty không có sự thay đổi cơ cấu đáng kể nào khác trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	124.419.181	215.420.300
Tiền gửi ngân hàng	60.327.931.305	48.926.382.243
	<hr/>	<hr/>
	60.452.350.486	49.141.802.543



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	Giá gốc VND	30/6/2022	Dự phòng giảm giá VND
			Giá thị trường (*) VND	
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.980.318.344	(629.681.656)
<hr/>				
	Số lượng	Giá gốc VND	1/1/2022	Dự phòng giảm giá VND
			Giá thị trường (*) VND	
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	1.588.004.430	(1.021.995.570)
<hr/>				

(\*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính.

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2022	1/1/2022
	Giá gốc (**) VND	Giá gốc (**) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	1.238.500.000.000	1.151.500.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	138.900.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	1.377.400.000.000	1.151.500.000.000
	<hr/>	<hr/>

(\*\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	30/6/2022			1/1/2022		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con:								
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	40.000.000.000	-	(*)	40.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	20.000.000.000	-	(*)	20.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	27.000.000.000	-	(*)	27.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	11.487.708.826	-	(*)	11.487.708.826	-	(*)
			<u>198.487.708.826</u>	<u>-</u>		<u>198.487.708.826</u>	<u>-</u>	

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	100.618.337.109	102.458.945.300
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	69.290.770.766	51.653.015.334
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	67.455.372.073	37.574.802.739
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	42.612.755.131	30.962.924.384
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	40.413.699.650	37.196.821.676
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	36.524.662.208	30.626.481.666
<b>Bên khác</b>		
Các khách hàng khác	33.238.965.859	38.737.871.244
	390.154.562.796	329.210.862.343

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Ngoài ra, khoản phải thu thương mại từ các công ty con chịu lãi trả chậm theo thỏa thuận.

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	17.912.036.165	13.742.804.272
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	32.554.298.814	65.785.991.913
Phải thu người lao động	1.128.774.131	1.178.957.850
Phải thu ngắn hạn khác	2.172.254.102	1.945.729.922
	53.767.363.212	82.653.483.957

**12. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	13.650.967.003	-	20.378.638.498	-
Nguyên vật liệu	10.282.257.176	-	9.967.235.620	-
Hàng hóa	107.709.829.776	-	85.093.922.467	(2.023.565.306)
	131.643.053.955	-	115.439.796.585	(2.023.565.306)



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	208.999.663.622	274.871.255.257	43.316.705.303	8.529.277.909	535.716.902.091
Tăng trong năm	-	-	-	1.734.897.804	1.734.897.804
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	264.765.681	-	-	-	264.765.681
Số dư cuối kỳ	209.264.429.303	274.871.255.257	43.316.705.303	10.264.175.713	537.716.565.576
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	127.316.582.533	222.507.102.304	28.221.862.192	7.514.802.843	385.560.349.872
Khấu hao trong kỳ	5.206.859.279	8.600.894.002	1.753.136.748	217.437.604	15.778.327.633
Số dư cuối kỳ	132.523.441.812	231.107.996.306	29.974.998.940	7.732.240.447	401.338.677.505
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	81.683.081.089	52.364.152.953	15.094.843.111	1.014.475.066	150.156.552.219
Số dư cuối kỳ	76.740.987.491	43.763.258.951	13.341.706.363	2.531.935.266	136.377.888.071

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 190.879 triệu VND (1/1/2022: 140.789 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

**Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	10.576.243.470	11.181.498.736	21.757.742.206
Tăng trong kỳ	-	404.302.196	404.302.196
Số dư cuối kỳ	10.576.243.470	11.585.800.932	22.162.044.402
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	2.617.159.942	10.726.587.540	13.343.747.482
Khấu hao trong kỳ	56.970.000	138.968.469	195.938.469
Số dư cuối kỳ	2.674.129.942	10.865.556.009	13.539.685.951
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	7.959.083.528	454.911.196	8.413.994.724
Số dư cuối kỳ	7.902.113.528	720.244.923	8.622.358.451

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 10.519 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 10.519 triệu VND).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.785.630.001	614.024.051	2.399.654.052
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.855.200.001	635.750.717	2.490.950.718
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	5.171.775.469	1.471.735.744	6.643.511.213
Số dư cuối kỳ	5.102.205.469	1.450.009.078	6.552.214.547

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	482.974.725	4.542.888.283
Tăng trong kỳ	28.878.519.169	1.419.974.190
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 13)	(264.765.681)	(5.492.858.877)
Bán cho công ty con	-	(22.727.273)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	29.096.728.213	447.276.323

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mở rộng sức chứa LPG Đà Nẵng	29.096.728.213	419.338.361
Các công trình khác	-	63.636.364
	<hr/>	<hr/>
	29.096.728.213	482.974.725

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Vỏ bình gas</b>	<b>Chi phí đất</b>	<b>Chi phí</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>trả trước</b>	<b>trả trước khác</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	82.168.050.795	15.871.375.597	12.774.950.287	110.814.376.679
Tăng trong kỳ	12.737.422.500	-	156.352.805	12.893.775.305
Phân bổ trong kỳ	(8.871.116.376)	(306.234.966)	(274.208.384)	(9.451.559.726)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	86.034.356.919	15.565.140.631	12.657.094.708	114.256.592.258

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG – Công ty con	9.776.971.400	4.749.044.950
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	131.663.361	1.593.400.575
<b>Bên khác</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	285.934.510.522	154.951.720.403
Công ty TNHH EI Corporation	86.385.624.720	111.853.013.247
PTT International Trading PTE Ltd	-	19.752.169.500
Itochu Petroleum Co., PTE.Ltd	-	19.653.900.000
Các nhà cung cấp khác	20.976.480.370	8.256.493.224
	<b>403.205.250.373</b>	<b>320.809.741.899</b>

Khoản phải trả công ty con và các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**19. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/đã nộp trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	405.983.472.944	(405.841.352.553)	142.120.391
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	45.369.444.342	(46.642.981.099)	(1.273.536.757)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.200.184.111	6.941.946.545	(9.193.056.673)	3.949.073.983
Thuế xuất nhập khẩu	798.403.836	16.440.084.404	(17.844.934.315)	(606.446.075)
Thuế thu nhập cá nhân	66.653.972	3.594.589.021	(2.305.798.870)	1.355.444.123
Thuế khác	-	11.000.000	(11.000.000)	-
	<b>7.065.241.919</b>	<b>478.340.537.256</b>	<b>(481.839.123.510)</b>	<b>3.566.655.665</b>
Trong đó:				
Phải thu	-			(1.879.982.832)
Phải trả	7.065.241.919			5.446.638.497

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi vay	1.976.185.278	1.588.612.405
Trích trước chi phí hoạt động	565.403.594	258.480.288
	<hr/>	<hr/>
	<b>2.541.588.872</b>	<b>1.847.092.693</b>
	<hr/>	<hr/>

**21. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	942.679.221	745.978.444
Cổ tức phải trả	328.045.220	312.451.820
Tài sản thừa chờ xử lý	1.420.555.518	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.195.932.502	2.387.477.518
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.887.212.461</b>	<b>3.445.907.782</b>
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**22. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2022</b>	<b>Biến động trong kỳ</b>		<b>30/6/2022</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>
Vay ngắn hạn	1.020.605.627.753	1.603.727.727.937	(1.328.597.563.451)	1.295.735.792.239
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>1/1/2022 VND</b>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	509.800.622.261	491.738.693.139
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	VND	197.800.567.895	98.547.204.007
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	195.114.469.097	108.144.905.457
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	166.401.953.381	92.703.852.728
Ngân hàng BNP Paribas	VND	139.082.500.301	145.171.658.856
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	87.535.679.304	84.299.313.566
		<b>1.295.735.792.239</b>	<b>1.020.605.627.753</b>

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp, chịu lãi suất theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.115.575.796	2.027.264.796
Trích trong kỳ	20.322.891.052	18.466.194.090
Phân bổ cho các công ty con	(12.530.881.261)	(13.141.373.896)
Sử dụng trong kỳ	(6.160.419.796)	(6.226.079.194)
Số dư cuối kỳ	<b>2.747.165.791</b>	<b>1.126.005.796</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2021</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	111.883.086.895	47.129.789.350	762.389.556.245
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	84.173.639.313	84.173.639.313
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.017.808.287	(14.017.808.287)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(18.466.194.090)	(18.466.194.090)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(12.067.857.000)	(12.067.857.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	125.900.895.182	86.751.569.286	816.029.144.468
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	125.900.895.182	123.710.799.693	852.988.374.875
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	62.909.257.348	62.909.257.348
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.450.003.751	(14.450.003.751)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	(20.322.891.052)	(20.322.891.052)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	(84.474.999.000)	(84.474.999.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2022</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	140.350.898.933	67.372.163.238	811.099.742.171

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2022	và 1/1/2022
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	60.342.638	603.426.380.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

## 26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

## 27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 6 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền mặt trị giá 84.475 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2021: 12.068 triệu VND).



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2022</b> <b>VND</b>
Gas giữ hộ bên thứ ba	11.879.100	748.714.604

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2022</b>		<b>1/1/2022</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	613,70	14.197.950	615,35	14.226.893
Euro (“EUR”)	130,79	3.131.500	159,09	4.008.846
		<u>17.329.450</u>		<u>18.235.739</u>

**29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2022</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2021</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.714.404.066.494	1.252.685.855.908
▪ Cung cấp dịch vụ	4.297.491.935	4.365.447.474
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.844.562.968	2.177.586.087
▪ Phân bổ tiền ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	3.764.144.789	3.867.297.209
	<u>1.724.310.266.186</u>	<u>1.263.096.186.678</u>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.193.429.210)	(2.170.220.340)
▪ Chiết khấu bán hàng	(2.425.551.860)	-
	<u>(4.618.981.070)</u>	<u>(2.170.220.340)</u>
Doanh thu thuần	<u>1.719.691.285.116</u>	<u>1.260.925.966.338</u>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.665.943.775.705	1.198.832.627.409
▪ Cung cấp dịch vụ	3.388.858.000	4.229.728.407
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.469.369.615	1.598.867.464
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.023.565.306)	2.104.562.506
	<b>1.668.778.438.014</b>	<b>1.206.765.785.786</b>

**31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	35.415.357.889	24.346.488.178
Lợi nhuận được chia	38.864.957.790	56.207.754.160
Lãi bán hàng trả chậm	3.855.665.113	3.494.400.528
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.418.338.826	1.547.397.551
	<b>79.554.319.618</b>	<b>85.596.040.417</b>

**32. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22.986.479.047	15.472.145.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.347.426.985	60.635.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	200.767.603	62.274.591
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(392.313.914)	39.408.958
Chi phí tài chính khác	-	128.420.196
	<b>24.142.359.721</b>	<b>15.762.884.558</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.902.011.699	824.770.320
Chi phí khấu hao	114.071.203	116.321.980
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	8.871.116.376	8.372.467.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.550.895.827	2.465.184.270
Chi phí bán hàng khác	741.672.347	1.445.780.387
	<hr/>	<hr/>
	16.179.767.452	13.224.524.664
	<hr/>	<hr/>

**34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.873.095.104	8.678.479.527
Chi phí khấu hao	1.040.427.343	1.002.665.398
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.424.974.405	5.467.214.302
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.944.948.538	2.746.093.792
	<hr/>	<hr/>
	20.283.445.390	17.894.453.019
	<hr/>	<hr/>

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.003.365.602	9.381.421.275
Chi phí nhân viên	28.165.063.656	26.423.053.014
Chi phí khấu hao	16.371.797.734	17.406.308.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.835.067.270	36.157.592.101
Chi phí khác	17.380.747.897	16.195.799.338
	<hr/>	<hr/>



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	6.941.946.545	8.001.922.959
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	25.599.431
	<hr/>	<hr/>
	6.941.946.545	8.027.522.390
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	32.905.067
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	6.941.946.545	8.060.427.457

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	69.851.203.893	92.234.066.770
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	13.970.240.778	18.446.813.354
Chi phí không được khấu trừ thuế	744.697.325	829.565.504
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(7.772.991.558)	(11.241.550.832)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	25.599.431
	<hr/>	<hr/>
	6.941.946.545	8.060.427.457

(\*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào các công ty con.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Phân phối lợi nhuận	44.246.018.600	6.320.859.800
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	182.304.951.656	143.913.496.601
Lợi nhuận được chia	4.188.825.003	8.114.401.584
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i>		
Bán hàng hóa	354.703.432.621	264.055.270.266
Lợi nhuận được chia	12.390.833.319	21.433.835.870
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i>		
Bán hàng hóa	305.302.414.284	240.464.004.918
Lợi nhuận được chia	6.150.963.484	8.942.594.418
Bán tài sản cho công ty con	-	1.139.952.611
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i>		
Bán hàng hóa	129.061.333.624	93.401.571.408
Lợi nhuận được chia	2.492.096.390	2.378.130.438
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i>		
Bán hàng hóa	353.633.543.115	246.697.289.218
Lợi nhuận được chia	7.331.580.618	8.276.520.504
<i>Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G</i>		
Mua hàng hóa	31.780.859.880	25.038.144.000
Lợi nhuận được chia	6.310.658.976	7.062.271.346
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	32.877.278.420	24.837.373.544
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	23.998.959.880	19.514.011.680
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</i>		
Bán hàng hóa	15.260.432.400	13.923.448.413
<i>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</i>		
Bán hàng hóa	12.779.265.780	11.948.962.790

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>	<b>30/6/2021 VND</b>
<b>Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc – Công ty Xăng dầu Khu vực I</b>		
Bán hàng hóa	11.849.099.160	12.318.958.385
<b>Chi nhánh Xăng dầu Sơn La – Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</b>		
Bán hàng hóa	16.134.871.200	10.505.376.240
<b>Công ty Xăng dầu Tuyên Quang</b>		
Bán hàng hóa	14.270.528.060	11.922.608.112
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa	67.012.561.347	57.615.612.296
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Lương thưởng và thù lao</b>		
<b>Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch</b>	156.471.455	128.829.558
<b>Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc (từ 1/12/2021)</b>	508.180.675	418.195.653
<b>Ủy viên (từ ngày 19/4/2021)</b>		
<b>Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc</b>	355.753.261	418.195.653
<b>Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)</b>		
<b>Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên</b>	98.881.677	90.180.690
<b>Ông Giang Trung Kiên - Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)</b>	42.377.613	-
<b>Ông Vũ Hồng Khánh – Tổng Giám đốc (đến 1/12/2021)</b>	56.504.064	597.422.361
<b>Ủy viên (đến ngày 14/4/2022)</b>		
<b>Ông Phan Phương Anh – Ủy viên</b>	56.504.064	90.180.690
<b>Ông Trịnh Quang Vinh – Ủy viên (đến ngày 19/4/2021)</b>	-	52.605.403
<b>Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác</b>		
<b>Lương thưởng và thù lao</b>		
<b>Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc</b>	355.753.261	418.195.653
<b>Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc</b>	355.753.261	418.195.653
<b>Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc</b>	355.753.261	370.708.235
<b>Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng</b>	307.265.806	60.201.792





**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Giá trị giao dịch**  
**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2022                      30/6/2021**  
**VND                                      VND**

<b>Ban Kiểm soát</b>		
<b>Lương và thù lao</b>		
<i>Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban</i>	355.753.261	418.195.653
<i>Bà Lê Thị Hải – Thành viên</i>	248.777.256	292.277.401

**38. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Phan Thùy Linh  
 Phó trưởng phòng KTTC

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
 Kế toán trưởng



*Handwritten signature of Nguyễn Hữu Quang*  
 Nguyễn Hữu Quang  
 Tổng Giám đốc

